



Đề cương bài giảng môn học

KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

TS. Lê Văn Thông

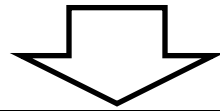
Email: lvthong@vnuhcm.edu.vn

Điện thoại: 0938.07.5555



Chương 6:

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM



- 1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM**
- 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

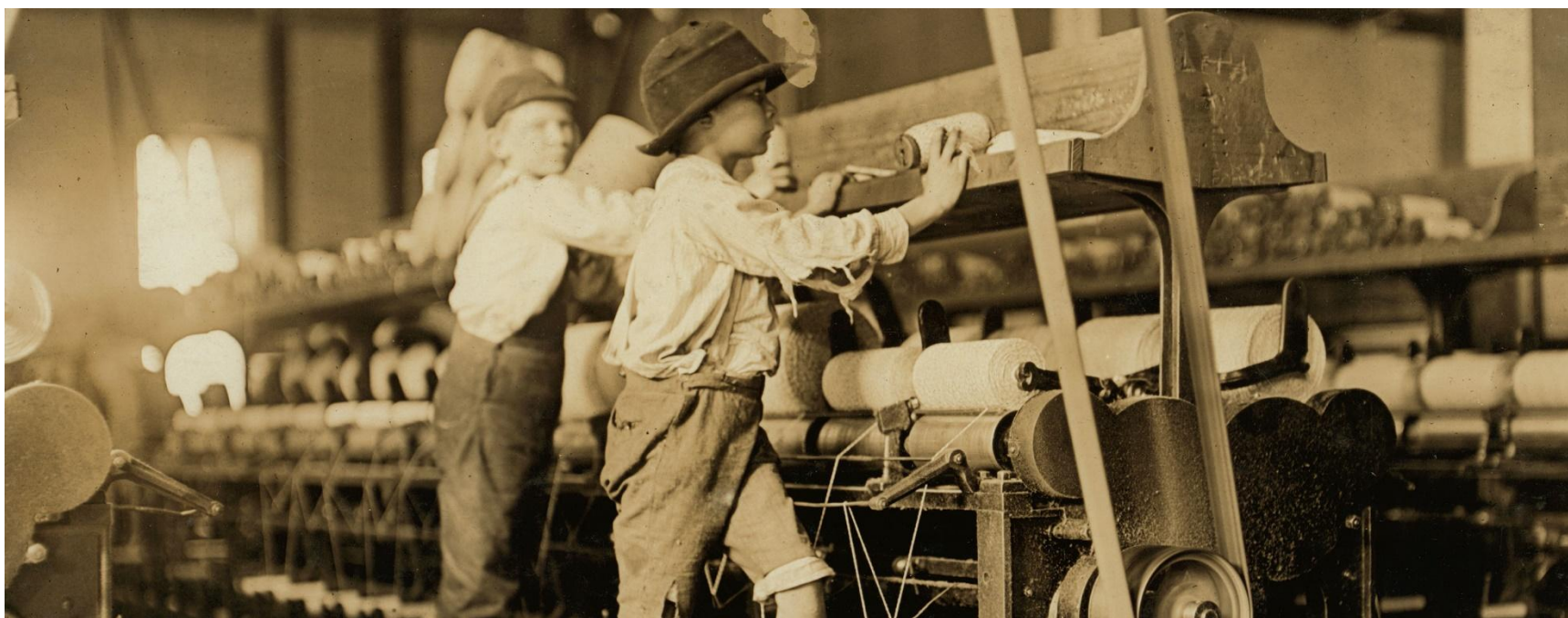


❖ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỦ YẾU

1. Giáo trình **“Kinh tế chính trị Mác – Lênin”** – giáo trình tập huấn 2019
2. Joe Studwell: **“Châu Á vận hành như thế nào”**, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017
3. William J. Bernstein: **“Lịch sử giao thương”**, NXB Thế giới, 2017.
4. Klaus Schwab: **“Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”**, NXB Thế giới, 2018.
5. Nguyễn Xuân Xanh: **“Nước Đức thế kỷ XIX, cuộc cách mạng giáo dục, khoa học và công nghiệp”**, NXB Dân trí, 2019.
6. Đảng cộng sản VN: **“Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII”**, NXB CTQG, 2016.
7. Nghị quyết 07-NQ/HNTW ngày 30/07/1994: **“Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng CNH, HĐH đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới”**
8. <http://hdll.vn/vi/thong-tin-ly-luan/hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-cua-viet-nam-trong-nhung-nam-doi-moi.html>



1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM





1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

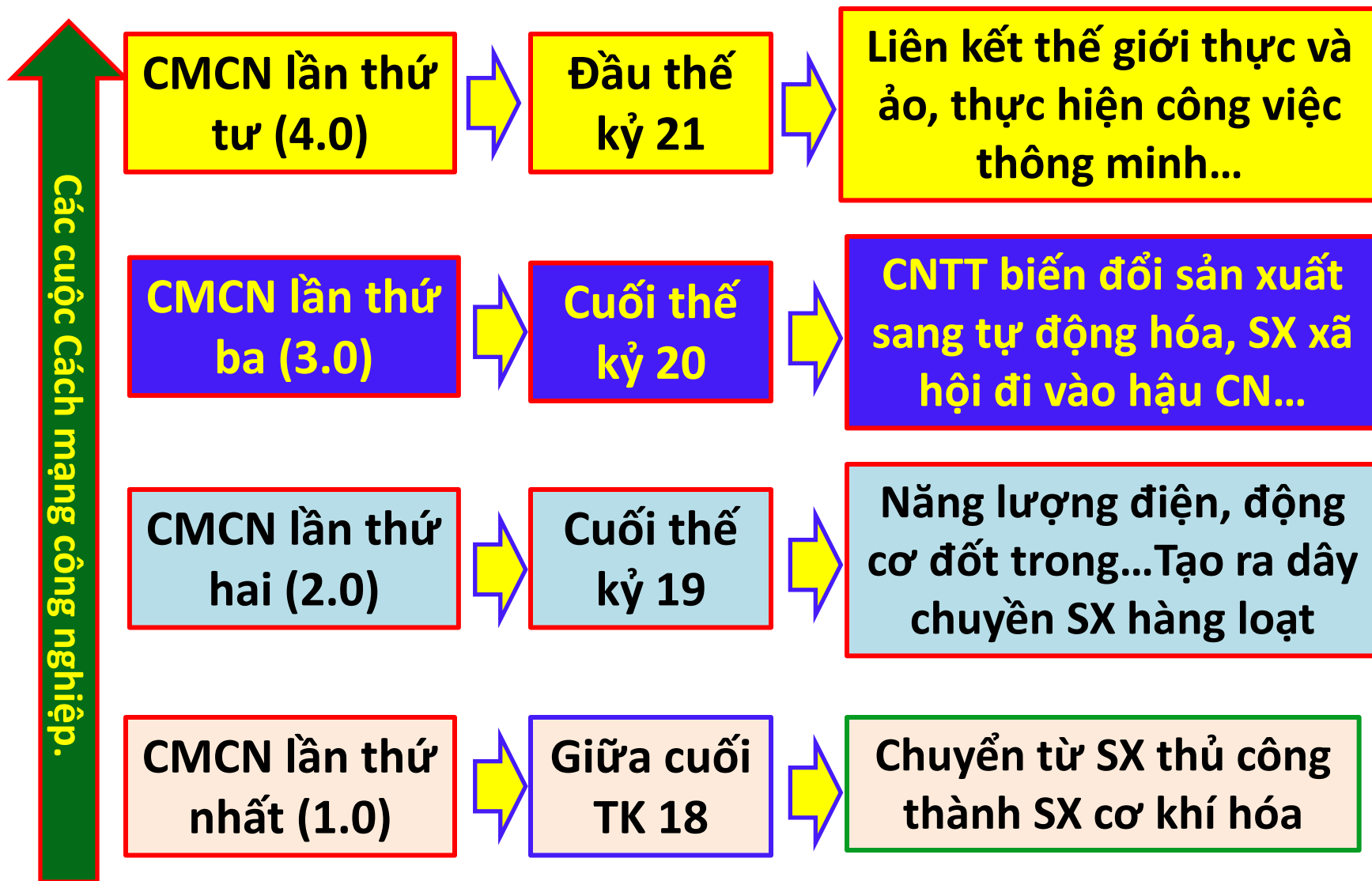
1.1.1. Khái quát CMCN

CMCN là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển NSLĐ cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật – công nghệ đó vào đời sống xã hội



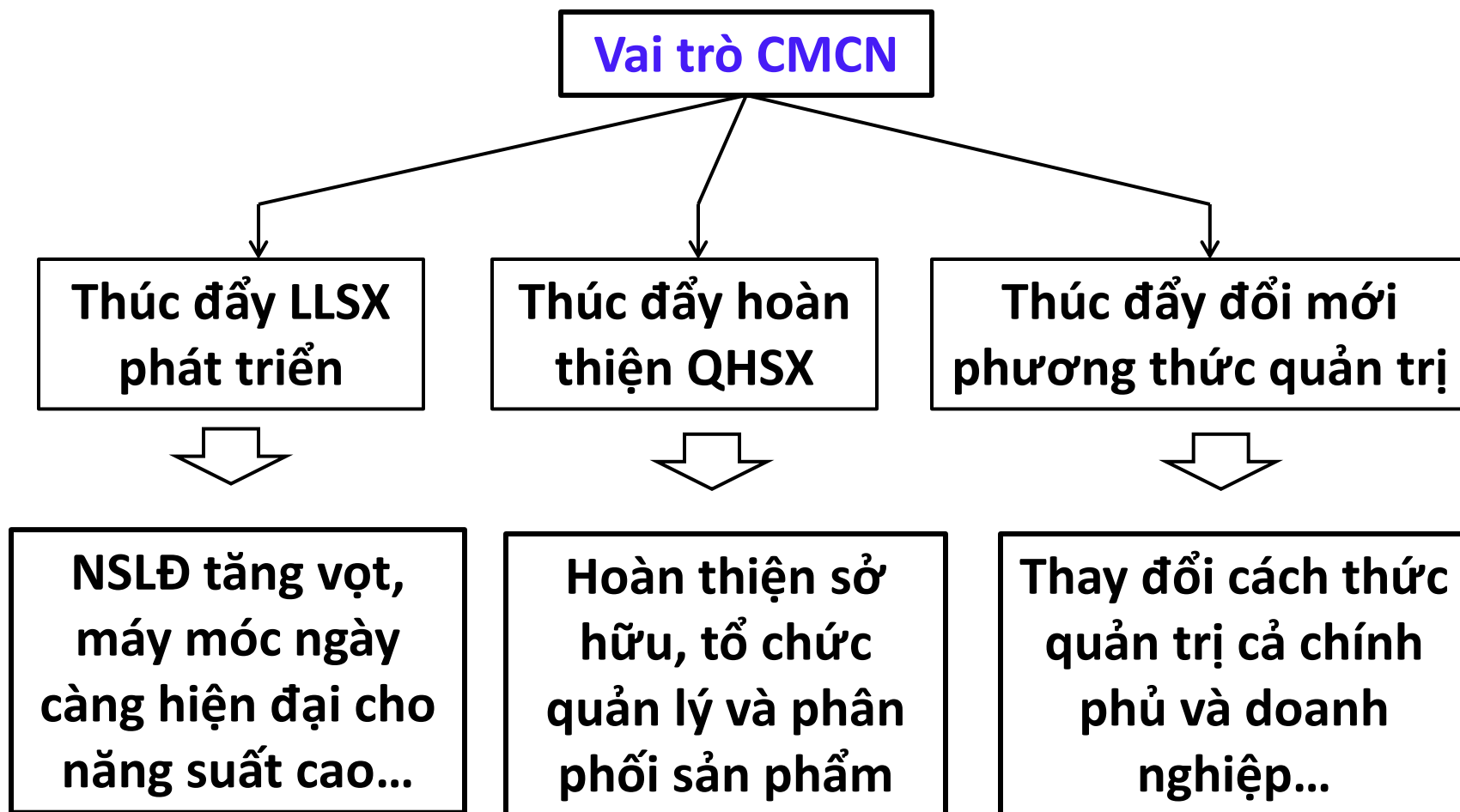


❖ Lịch sử các cuộc CMCN





❖ Vai trò của CMCN đối với phát triển





1.1.2. CNH và các mô hình CNH trên thế giới

➤ Công nghiệp hóa

Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao



Alexander Von Humboldt (1769 – 1859): Dân tộc nào bị tuột lại trong hoạt động công nghiệp, trong ứng dụng cơ khí và hóa công nghiệp, trong việc chọn lựa cẩn thận và chế biến các vật liệu thiên nhiên; dân tộc nào không có sự quý trọng một hoạt động như thế, xuyên suốt các tầng lớp nhân dân, **tất yếu sẽ xa lìa khỏi sự phồn vinh.**



❖ Các mô hình CNH tiêu biểu

➤ CNH nước Anh

Anh là nước diễn ra CMCN đầu tiên trên thế giới. Sự ra đời máy hơi nước và kỹ nghệ dệt đã đưa nước Anh trở thành quốc gia công nghiệp và bá chủ thế giới.



Năm 1850 Anh quốc thống nhất (gồm cả Wale, Scotland và Bắc Ai-len) sở hữu phân nửa tổng số tàu đi biển của thế giới và phân nửa đường ray xe lửa. Năm 1851 Vương quốc Anh (Great Britain) luyện 2,5 triệu tấn sắt, bằng 5 lần Hoa Kỳ và mười lần Đức. Lúc đó các đầu máy hơi nước của Anh có công suất bằng 1.2 triệu mã lực và hơn nửa tất cả châu Âu cộng lại (*Roberts & Westad, The History of The World, Oxford University Press, 2013*) [5; tr337]



❖ CNH nước Đức

Đức CNH đất nước từ năm 1835.
Nhân tố kích thích là hệ thống xe lửa để thúc đẩy CNH. Đức dẫn đầu cuộc CMCN lần 2 với những phát minh và chế tạo về động cơ đốt trong, động cơ điện, công nghệ hóa chất, kỹ nghệ lạnh... từ 1901 - 1933, Đức có 31 nhà khoa học đạt giải Nobel (Mỹ: 6).



Thế kỷ XIX, **loài người đã đẩy lùi bệnh tật quyết liệt**, những bệnh hiểm nghèo như bệnh than, lao, dịch tả, giang mai, dịch hạch mà người Đức có công rất lớn.



❖ CNH nước Đức

Năm 1913, Đức sản xuất gần bằng 25% tổng sản lượng sắt của thế giới và trở thành nước sản xuất kim loại lớn nhất thế giới. Một nửa thị phần đồ điện thế giới do Đức sản xuất...



“Đến năm 1870, Đức đã hoàn toàn rũ sạch sự lạc hậu công nghiệp của mình đối với các nước Tây Âu, trong chừng mực đã vượt qua Pháp và Bỉ. Sự nghèo khổ rộng rãi trong dân chúng được khắc phục. Từ 1879 đến 1913 sản lượng công nghiệp Anh tăng 2 lần, của Đức tăng 6 lần. Sản lượng công nghiệp của Đức năm 1913 đã chiếm 16% trong khi của Anh chiếm 14% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Đem trước của thế chiến thứ I, Đức trở thành nước công nghiệp phát triển nhất, hiện đại nhất châu Âu” [5;tr92]



❖ CNH Nhật Bản

Nước Nhật CNH từ công cuộc Duy Tân (1868) theo con đường của Đức. 1875 Nhật đã thuê 500-600 chuyên viên nước ngoài về làm việc cho chính phủ. Đến 1890 Nhật đã thuê khoảng 3000 chuyên viên tư vấn và giáo viên thường xuyên làm việc.



Đến 1882, Nhật ngừng phụ thuộc vào các chuyên gia nước ngoài. Năm 1892, đã sản xuất ra thuốc súng có công phá lớn. Giữa 1905 Nhật đã chế tạo các tàu chiến trong nước. Đến 1920, hải quân Nhật Bản đứng hàng thứ 3 thế giới, chỉ sau Anh và Mỹ.



❖ CNH Nhật Bản

Trước chiến tranh thế giới thứ II, Nhật Bản có lực lượng hải quân hiện đại nhất thế giới (tàu sân bay, các loại tàu ngầm, thiết giáp hạm Yamato, tàu tuần dương, thủy phi cơ...)



Tập đoàn Mitsubishi thành lập 1870. Công ty chuyển sang khai thác than 1881 và đa dạng hóa kinh doanh trong đó có lĩnh vực đóng tàu, tàu sân bay, khai thác dầu mỏ... **Khi Mitsubishi trở thành một nghiệp đoàn lớn, nó đóng vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hóa công nghiệp Nhật Bản.**



❖ CNH Liên bang Xô viết

CNH ở Liên Xô bắt đầu từ 1928 sau đó được áp dụng ở các nước khối XHCN. Con đường CNH theo mô hình này ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Mô hình CNH này gắn với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Nhà nước thay thị trường phân bổ nguồn lực đầu tư cho các ngành công nghiệp nặng: cơ khí, chế tạo máy, công nghiệp quốc phòng...ít quan tâm đến công nghiệp hàng tiêu dùng.





❖ CNH Liên bang Xô viết

CNH ở Liên Xô đạt thành tích đáng nể trong giai đoạn 1928 – 1960, Liên Xô chiến thắng Phát xít trong thế chiến thứ II, là đầu tàu của khối XHCN và ở những thời điểm nhất định, vượt qua Mỹ trong nghiên cứu và phát triển khoa học vũ trụ...

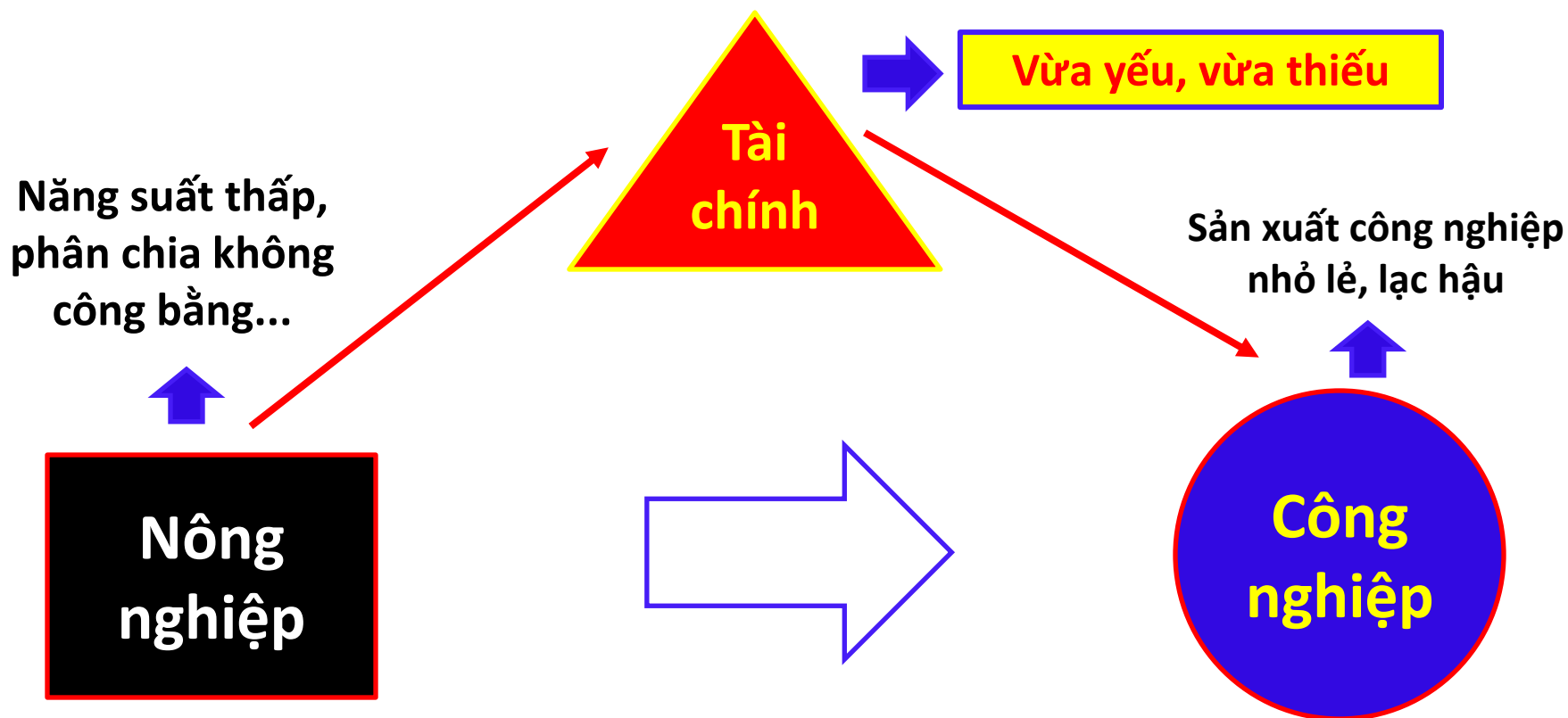


Sự thành công của Liên Xô được cả thế giới ngưỡng mộ. **Cơ chế kế hoạch hóa không phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ cho nên Liên Xô bắt đầu thoái trào từ thập niên 1960 và sụp đổ 1991**





❖ CNH các quốc gia thế giới thứ 3



Các quốc gia thế giới thứ 3 giành độc lập sau chiến tranh thế giới II, chủ yếu là các quốc gia nghèo, nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, công nghệ lạc hậu, tài chính yếu kém...



❖ CNH các quốc gia thế giới thứ 3

Chiến lược là: “các ngành công nghiệp mới ban đầu bất lợi khi cạnh tranh hàng hóa nhập khẩu giá rẻ. Vì vậy chính phủ cần bảo hộ **“các ngành công nghiệp non trẻ”** của mình bằng cách các hàng rào thương mại. Chỉ bằng cách này họ mới có thể thúc đẩy quá trình **“thay thế nhập khẩu”** – dần dần sẽ thay thế các mặt hàng nhập khẩu bằng hàng hóa sản xuất trong nước, bắt đầu từ ngành dệt may và công nghiệp nhẹ, cuối cùng đến những mặt hàng công nghiệp nặng và các sản phẩm công nghiệp khác. Một khi quá trình trên được diễn ra an toàn theo cách này, hàng rào thương mại sẽ được dỡ bỏ và đất nước lại tham gia vào thương mại quốc tế” [7;139]



❖ CNH các quốc gia thế giới thứ 3

Chiến lược phát triển khoa học công nghệ

1. Đầu tư nghiên cứu, hoàn thiện dần dần từ thấp đến cao

2. Tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển

3. Xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ nhiều tầng, vừa nghiên cứu vừa tiếp nhận từ bên ngoài...

Các quốc gia thế giới thứ 3 chọn con đường thứ 3 để CNH, HĐH. Các quốc gia thành công chiến lược này trở thành những con rồng châu Á



❖ CNH, HĐH ở Việt Nam



- 4/1962 (hội nghị 7 BCHTW): ưu tiên phát triển CN nặng hợp lý...
- Đại hội V (1982): nông nghiệp là mặt trận hàng đầu
- Đại hội VII (1991): CNH đất nước theo hướng hiện đại gắn với nền NN phát triển toàn diện là nhiệm vụ trung tâm
- 07/1994: nhận thức mới về CNH, HĐH (Nghị quyết 07-NQ/HNTW tháng 07/1994)
- Đại hội VIII (1996): đẩy mạnh CNH, HĐH.
- Đại hội IX (2001): CNH, HĐH là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt thời kỳ quá độ...



❖ CNH, HĐH ở Việt Nam



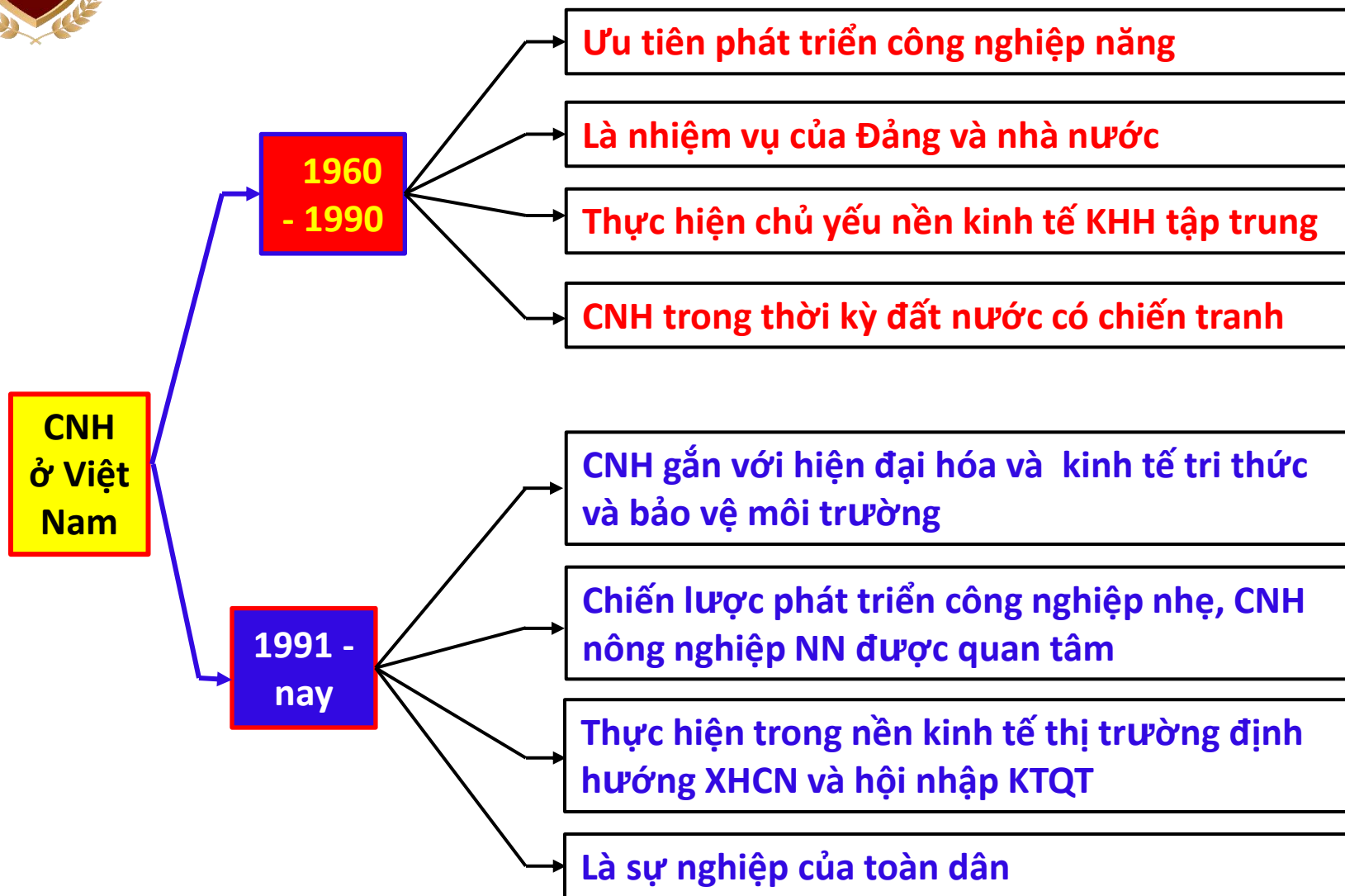
- **Đại hội X (2006):** CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức
- **Hội nghị thứ 12, BCH TW khóa X (28/03/2010):** phấn đấu đến 2020, Việt Nam về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
- **Đại hội XI (2011):** đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.
- **Đại hội XII (2016):** tiếp tục thực hiện mô hình CNH, HĐH trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức.
- **2018:** Mục tiêu đến năm 2020 VN trở thành nước công nghiệp đã thất bại



Đến 2030, VN hoàn thành mục tiêu CNH – HĐH (Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 22/3/2018)



❖ CNH, HĐH ở Việt Nam





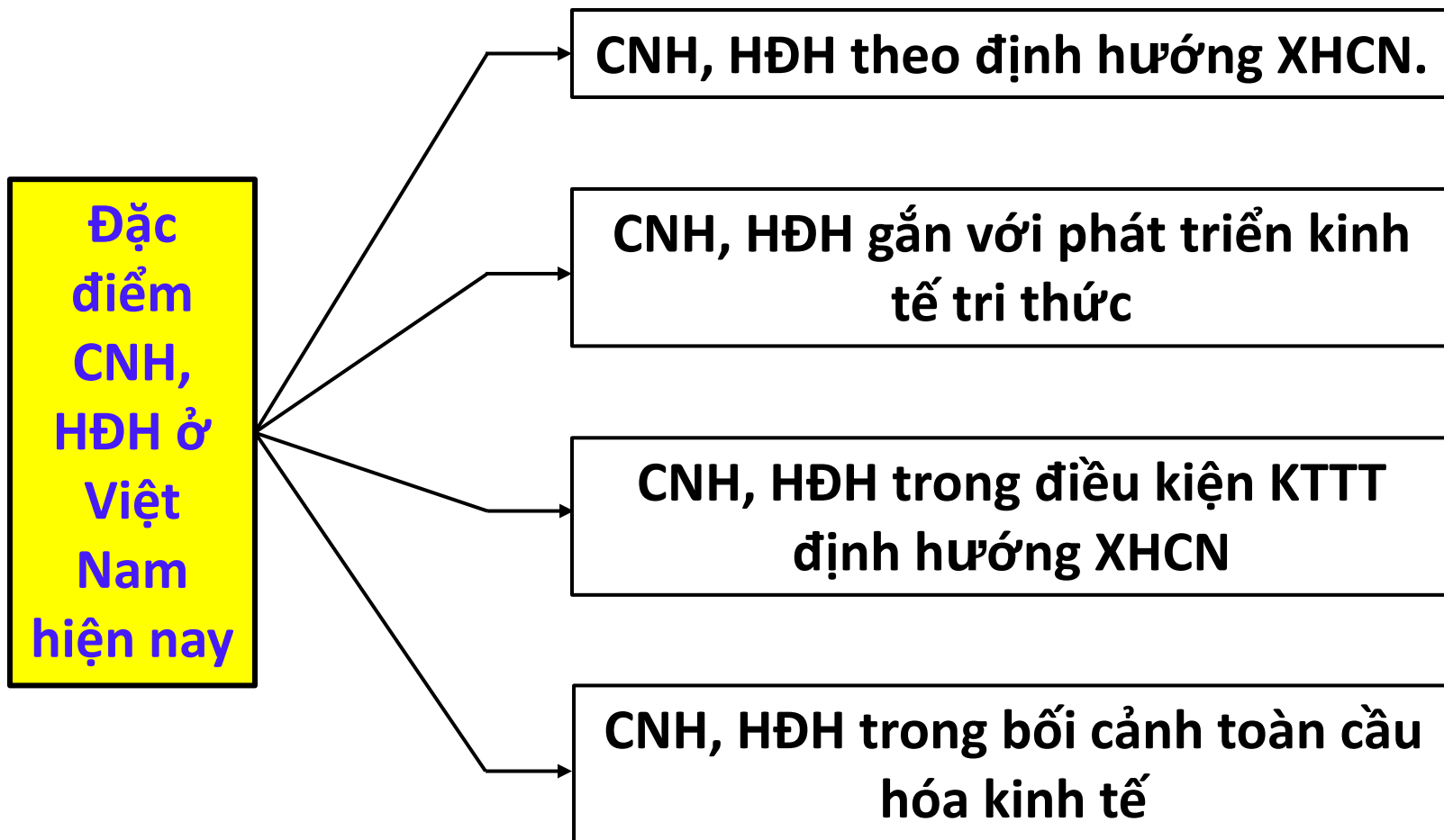
1.2.1. Tính tất yếu của CNH, HĐH ở Việt nam

“CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội, **từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại; dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ; nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao**”. [7]





1.2.1. Tính tất yếu của CNH, HĐH ở Việt nam





1.2.1. Tính tất yếu của CNH, HĐH ở Việt Nam

**Tính tất yếu phải CNH, HĐH ở
Việt Nam**

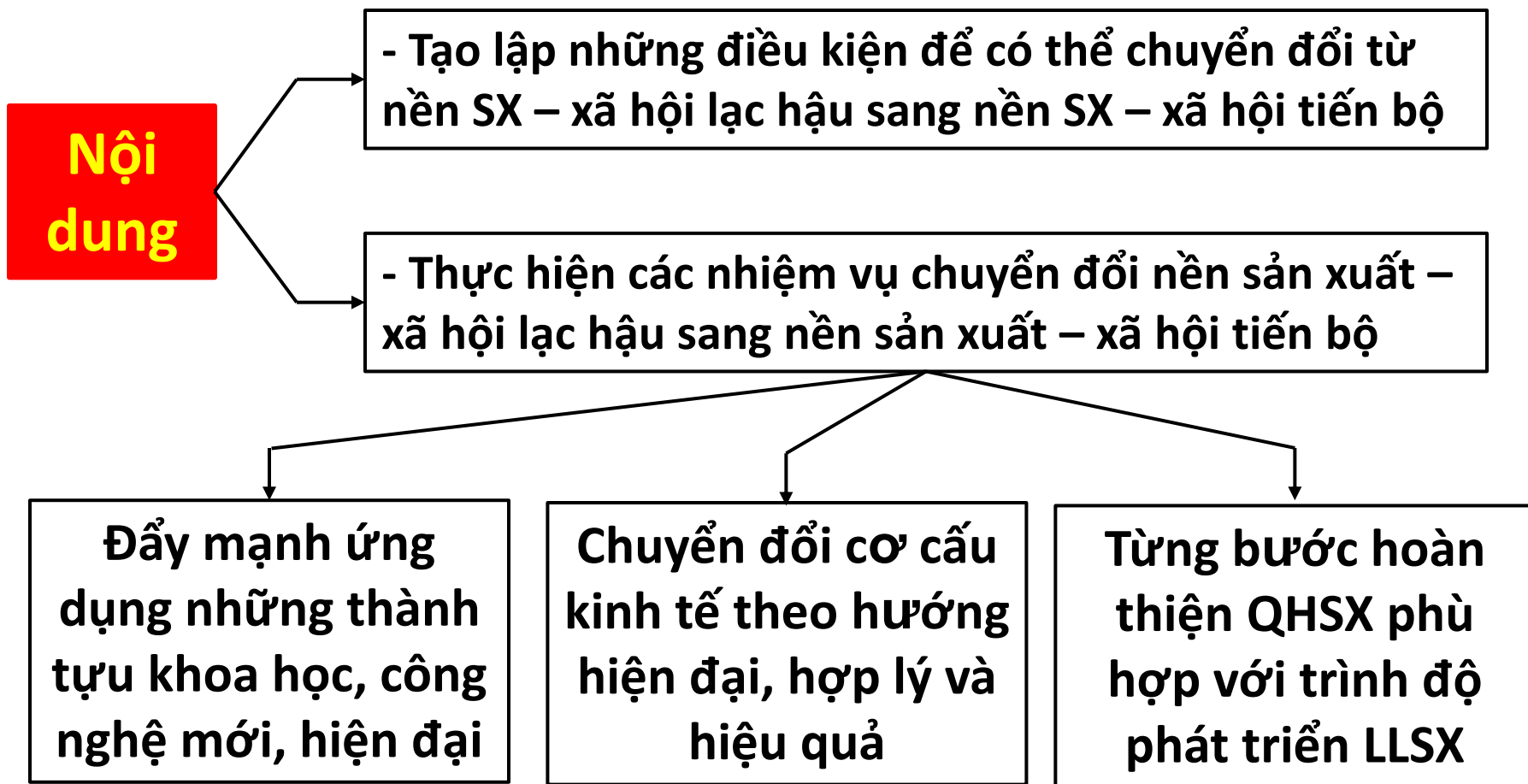
**Là con đường để trở thành
quốc gia công nghiệp**

**Xây dựng cơ sở vật chất
kỹ thuật cho CNXH**

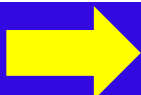




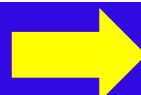
1.2.2. Nội dung CNH, HĐH ở Việt Nam



NN – CN – DV



CN - DV - NN



DV – CN – NN



1.3. CNH, HĐH ở VN trong bối cảnh CMCN lần thứ 4

1.3.1. Quan điểm về CNH, HĐH ở VN trong bối cảnh CMCN lần thứ 4.

Quan điểm

Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết, giải phóng mọi nguồn lực

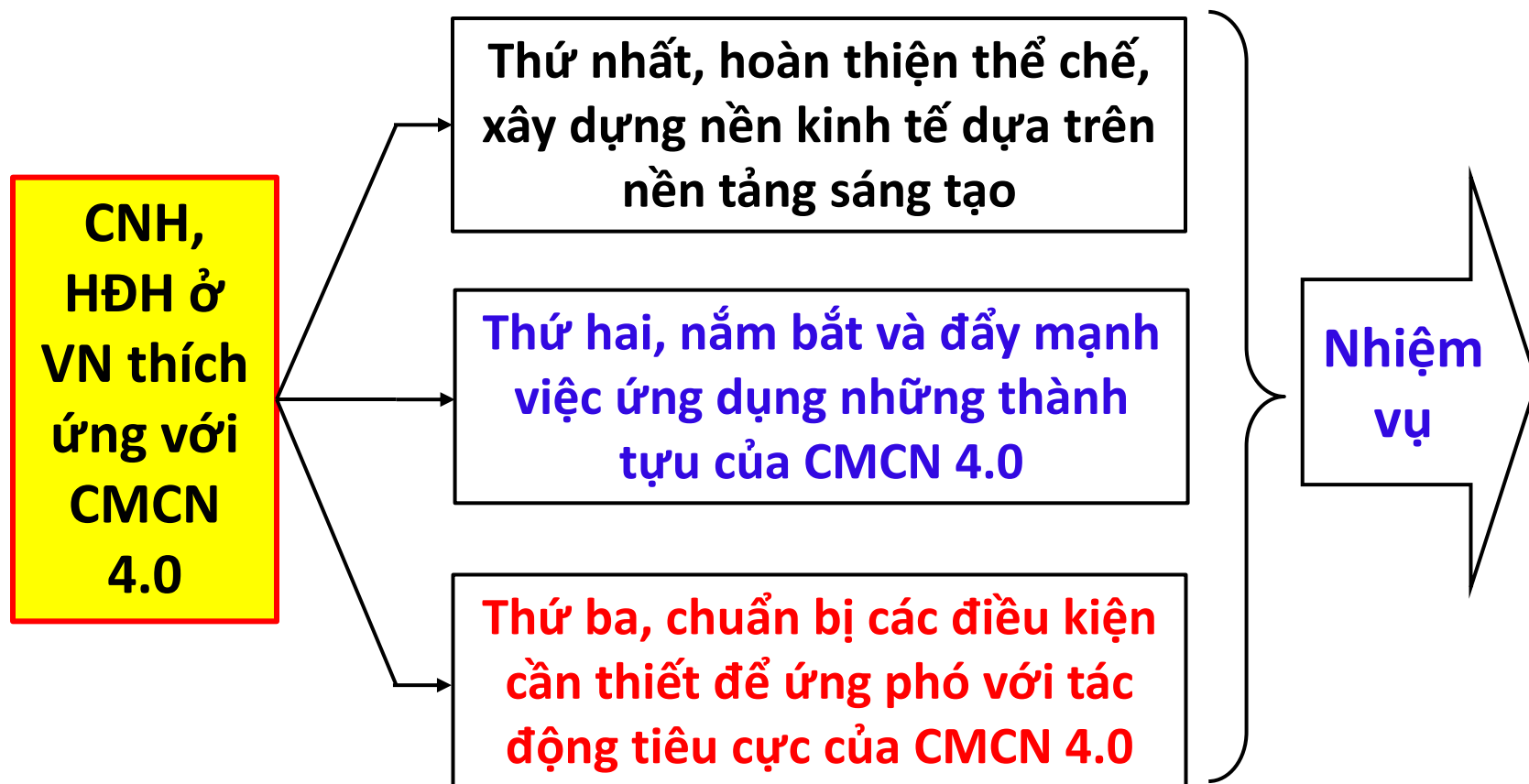
Các biện pháp thích ứng phải được thực hiện đồng bộ, phát huy sức sáng tạo của toàn dân

CMCN 4.0 vừa là cơ hội, vừa là thách thức. Phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết (giáo dục, thể chế, chiến lược, chính sách...)

Các giải pháp phải đồng bộ, có sự phối hợp của tất cả các chủ thể, phát huy sức mạnh sáng tạo của toàn dân



1.3.2. CNH, HĐH ở VN thích ứng với CMCN lần thứ 4





1.3.2. CNH, HĐH ở VN thích ứng với CMCN lần thứ 4



- Phát triển hạ tầng CNTT và truyền thông
- Phát triển ngành công nghiệp có chọn lọc
- Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, n. thôn
- Phát huy lợi thế phát triển du lịch, dịch vụ
- Phát triển hợp lý các vùng
- Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực chất lượng cao
- Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế
- Nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng KT - XH

2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM





2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

2.1. Khái niệm và nội dung của hội nhập KTQT

➤ **Khái niệm:** Hội nhập KTQT của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung





2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Tính tất yếu khách quan của hội nhập KTQT

**Do xu thế khách quan
trong bối cảnh toàn
cầu hóa kinh tế**



**Quốc gia nào không hội
nhập, không tham gia vào
phân công lao động và hợp
tác quốc tế, là tự cô lập
mình với thế giới bên
ngoài...**

**Là phương thức phát triển
phổ biến các nước, nhất là các
nước đang và kém phát triển**

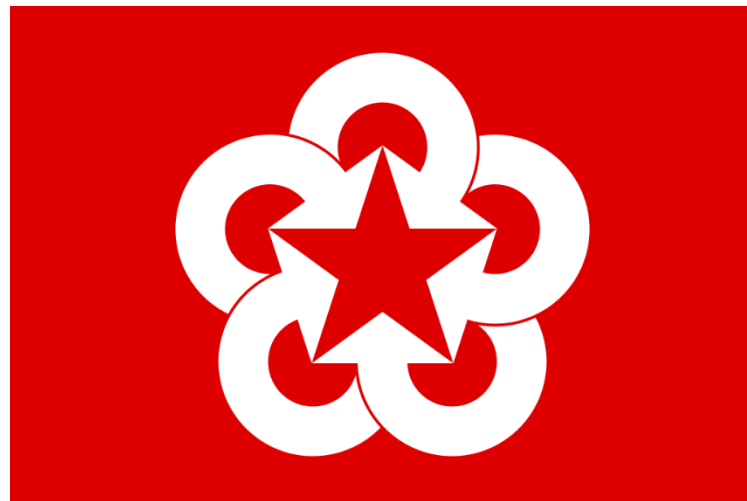


**Tiếp cận sử dụng nguồn lực bên
ngoài: tài chính, chuyển giao
khoa học công nghệ, kinh
nghiệm... để phát triển rút ngắn,
có cơ hội thu hẹp khoảng cách
với các nước tiên tiến...**



❖ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Trước đổi mới, 1986, Việt Nam hầu như chỉ quan hệ ngoại giao với các nước XHCN. **Năm 1978, Việt Nam tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).**



Đại hội VI, Việt Nam chưa nói cụ thể về hội nhập kinh tế quốc tế mà mới đặt vấn đề về mở cửa kinh tế, **“đa phương hóa, đa dạng hóa mở rộng quan hệ đối ngoại”**. Tư tưởng này đặt nền móng cho việc phát triển hội nhập ở giai đoạn tiếp theo.





❖ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

**Việt Nam gia nhập ASEAN
(Hiệp hội các quốc gia Đông
Nam Á) vào 7/1995, và
chính thức tham gia khu vực
thương mại tự do ASEAN
(AFTA) ngày 01/01/1996**



Từ đại hội VIII (1996) đến Đại hội X (2006), Đảng chủ trương: **đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế**, “xây dựng một nền kinh tế mới hội nhập với khu vực và thế giới”. “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy với các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”



❖ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Năm 1996, Việt Nam tham gia diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM), đến năm 1998 Việt Nam được kết nạp vào Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). **Đặc biệt, VN chính thức trở thành thành viên Tổ chức thương mại thế giới – WTO vào 01/2007**





❖ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Đại hội XI (2011), Đảng chủ trương:
“Chủ động và tích cực hội nhập quốc
tế”. Theo đó, Nghị quyết 22-NQ/TW
ngày 10/04/2013: “**Hội nhập KTQT là
trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực
khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập
kinh tế và góp phần tích cực vào phát
triển kinh tế**”.



Đại hội XII (2016), Đảng tiếp tục khẳng định: **“thực hiện hiệu
quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao
vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế”**



❖ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

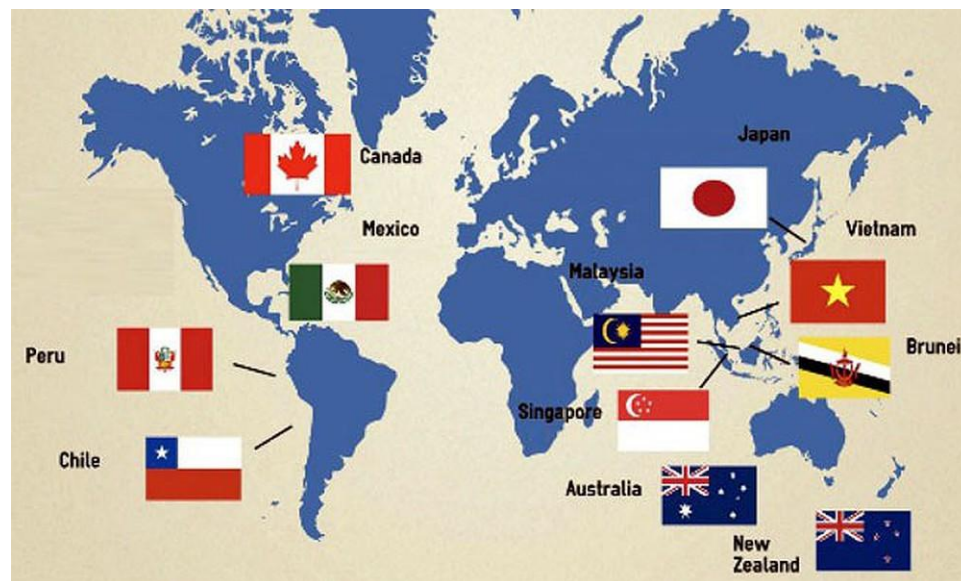
Ngày 5/11/2016, Nghị quyết 06-NQ/TW nêu rõ mục tiêu, tiến trình hội nhập KTQT, giữ vững ổn định chính trị xã hội, nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.





❖ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Việt Nam gia nhập **Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)** và được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2018.



Hiệp định thương mại VN – EU được ký vào ngày 30/06/2018.

Việt Nam trở thành quốc gia thứ 4 châu Á sau Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore được ký hiệp định này.

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU) - VIỆT NAM



EVFTA



❖ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

➤ **Về hội nhập song phương**, đến nay Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước và 70 vùng lãnh thổ, mở rộng quan hệ thương mại xuất khẩu hàng hóa tới 230 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ. Ký 90 Hiệp định thương mại song phương, gần 60 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 Hiệp định chống đánh thuế 2 lần và nhiều hiệp định hợp tác về văn hóa song phương với các nước và các tổ chức quốc tế





2.1.2. Nội dung của hội nhập KTQT





2.2. Tác động của hội nhập KTQT

**Tác
động
tích
cực**

Thúc đẩy thương mại phát triển

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu KT

Nâng cao trình độ nguồn nhân lực

DN trong nước tiếp cận thị trường quốc tế

Cải thiện tiêu dùng trong nước...

Các chính sách được xây dựng và điều chỉnh hợp lý, phù hợp tình hình đất nước...

Là tiền đề hội nhập văn hóa...

Tác động mạnh mẽ đến hội nhập chính trị...

Nâng cao vai trò, uy thế của Việt Nam...

Đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hòa bình, ổn định...



2.2. Tác động của hội nhập KTQT

Tác động tiêu cực

Gia tăng cạnh tranh khiến nhiều DN trong nước khó khăn, nguy cơ phá sản...

Gia tăng sự phụ thuộc vào vào kinh tế bên ngoài

Có thể dẫn đến phân phối không công bằng, nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu nghèo...

Bất lợi, thua thiệt trong chuỗi giá trị toàn cầu...

Tạo ra thách thức đối với quyền lực nhà nước...

Nguy cơ bản sắc văn hóa dân tộc bị xâm lăng, xói mòn

Gia tăng tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia...



2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập KTQT của VN

Phương hướng

1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập KTQT mang lại

2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp

3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết KTQT và thực hiện đầy đủ các cam kết của VN trong các liên kết KTQT và khu vực

4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp

5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

6. Xây dựng nền kinh tế VN độc lập, tự chủ